

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA BỂ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2022

*“V/v Không công nhận quan hệ vợ  
chồng, tranh chấp nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ – TỈNH BẮC KẠN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ma Thị Nguyên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Ninh Nông Nghĩa** và bà **Lý Thị Thịnh**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Ưu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa:

\* Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị G**, sinh năm 1988. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

\* Bị đơn: Anh **Lục Văn P**, sinh năm 1993. Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị G trình bày:*

Chị và Lục Văn P chung sống thực tế với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn, do thời điểm đó anh P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh P đến chung sống với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, được tìm hiểu rõ về nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Khi anh P đủ tuổi đi đăng ký kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên cả hai bên đều không tự nguyện đi đăng ký kết hôn. Nguyên nhân theo chị G là do vợ chồng sống chung với bố, mẹ chồng nên bất đồng về cách làm ăn, kinh tế gia đình nhiều

năm gặp khó khăn, anh Ph không tu chí làm ăn, bạo lực gia đình do cãi, chửi nhau. Đến cuối năm 2018 vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, anh P đã cầm dao dọa đuổi đánh chị. Chị Gh đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện Hà Quảng sinh sống từ đó đến nay. Chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không hàn gắn tình cảm. Nay chị Ghiễn xác định tình cảm vợ chồng không còn, đến thời điểm này chị G và anh Phúc vẫn chưa đăng ký kết hôn nên chị G yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và Lục Văn P.

Về con chung: Chị và anh Lục Văn Phúc có 02 con chung là Lục Thị Thúy N sinh ngày 20/8/2010 và Lục A T, sinh ngày 03/01/2012. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng anh Lục Văn P tại thôn N, xã Y.

Khi Tòa án tuyên bố chị và anh P không phải là vợ chồng thì chị G đã thỏa thuận với anh P là nhất trí giao các con chung cho anh Lục Văn P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Gh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị G và anh P không có tài sản chung và vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01/8/2022, anh Lục Văn P trình bày như sau:*

Anh P và chị Phùng Thị G chung sống thực tế với nhau từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng 3 năm gần đây do chị G đi làm công nhân nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt và 2 năm nay thì anh và chị G đã sống ly thân. Quá trình sống ly thân cả anh Phúc và chị G không ai quan tâm hàn gắn tình cảm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh và chị G chưa đến UBND các cấp đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị G yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh P nhất trí.

Về con chung: Anh Lục Văn P và chị Phùng Thị G có 02 con chung là Lục Thị Thúy N sinh ngày 20/8/2010 và Lục A T, sinh ngày 03/01/2012. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay các con đang sống cùng anh P tại thôn N, xã Y.

Khi Tòa án tuyên bố anh P và chị G không phải là vợ chồng thì anh Lục Văn P yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và phù hợp với nguyện vọng của hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh P và chị G không có tài sản chung và vay nợ chung, nên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Phùng Thị G và anh Lục Văn P chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn N, xã Y, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn và có 02 con chung. Khi chị G và anh P đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị G và anh P không đến UBND xã để đăng ký kết hôn mặc dù đã được chính quyền địa phương tuyên truyền nhiều lần.

Trong thời gian chung sống tại địa phương chị G và anh P đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân. Thực tế hiện nay chị G và anh P không còn sống chung, chị G cũng không sinh sống tại thôn N.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Lục Văn P vắng mặt. Tuy nhiên, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn thể hiện vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

\* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung và đề nghị giải quyết vụ án:

Chị Phùng Thị G và Lục Văn P chung sống với nhau như vợ chồng và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Năm 2018 anh P, chị đã sống ly thân. Chị G bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện Hà Quảng sinh sống. Quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không hàn gắn tình cảm. Nay chị G xác định không còn tình cảm với anh P, đến thời điểm này chị G và anh P vẫn chưa đăng ký kết hôn nên chị G yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ghiền và anh Lục Văn P.

Về con chung: Chị G và anh Lục Văn P có 02 con chung là Lục Thị Thúy N sinh ngày 20/8/2010 và Lục A T, sinh ngày 03/01/2012. Các con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay các con đang sống cùng anh Lục Văn Phúc tại thôn N, xã Y.

Khi Tòa án tuyên bố chị G và anh P không phải là vợ chồng thì chị G nhất trí giao các con chung cho anh Lục Văn P được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phù hợp với ý kiến của anh Phúc và nguyện vọng của các con khi lấy lời khai.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ghiền và anh Phúc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1, Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị G. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị G và anh Lục Văn P.

- Về con chung: Giao hai con chung là Lục Thị Thúy N sinh ngày 20/8/2010 và Lục A T, sinh ngày 03/01/2012 cho anh Lục Văn P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P, chị G không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Chị Phùng Thị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị G và anh P không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Chị G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Lục Văn P, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa anh Phúc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị G và anh Lục Văn P chung sống như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không tiến hành các thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..”*

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*

Như vậy chị Phùng Thị G yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị G và anh Lục Văn P là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị G và anh P có 02 con chung tên là Lục Thị Thúy N sinh ngày 20/8/2010 và Lục A T, sinh ngày 03/01/2012, các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị G vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, đồng thời ý kiến chị G phù hợp với ý kiến anh P và nguyện vọng của các con chung là được ở cùng nhau và ở với anh P, cụ thể như sau: Giao các con chung Lục Thị Thúy N, sinh ngày 20/8/2010 và Lục A T, sinh ngày 03/01/2012 cho anh Lục Văn P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy, ý kiến của các bên đương sự đều là sự tự nguyện, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phúc không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung, chị G cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, vay vợ chung: Chị G và anh P xác nhận không có tài sản chung và vay nợ chung, các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phùng Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị G. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị G và anh Lục Văn P.

2. Về con chung: Giao các con chung Lục Thị Thúy N, sinh ngày 20/8/2010 và Lục A T, sinh ngày 03/01/2012 cho anh Lục Văn P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G và anh P không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Chị Phùng Thị G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị G và anh P không có tài sản chung và vay nợ chung. Các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phùng Thị G phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001040 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị G đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Ba Bể;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã, H. Hà Quảng;
- UBND xã Y;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ma Thị Nguyên**

